

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST.

Ngày: 11/5/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Trần Nguyễn.

2. Ông Trương Tấn Đạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Nhật Vi Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 1164/TLST-KDTM ngày 23/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐ-XX ngày 28 tháng 03 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST- HPT 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng D.

Trụ sở: Phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M – Theo văn bản ủy quyền.

*Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X.

Trụ sở: Cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung T – Giám đốc.

Trú tại: Cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà L có mặt; ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng D có bà Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng D (gọi tắt là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ X (gọi tắt là Công ty X) vay tiền theo Hợp đồng cho vay số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/719/17/HĐCV9202 ngày 16/8/2017 với nội dung:

- Số tiền cho vay: 538.037.034 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất cố định: 15%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Lãi chậm trả lãi: 10%/năm.
- Mục đích sử dụng vốn: Hoàn tiền chi phí mua nguyên vật liệu thi công công trình Văn phòng làm việc và thiết kế mẫu in tại địa điểm Nguyễn Trung Trực, Phường 5, quận Bình Thạnh.

Hiện nay khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán (tạm tính đến ngày 04/1/2022):

- Nợ gốc: 534.906.071 đồng.
- Lãi trong hạn: 35.423.493 đồng.
- Lãi quá hạn: 472.421.715 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 33.154.608 đồng.

Tổng cộng: 1.075.905.887 đồng. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Công ty X không tham gia tố tụng trong vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

*Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được vì Công ty X không tham gia hòa giải.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

1. Ngân hàng yêu cầu Công ty X thanh toán các khoản sau (tạm tính đến ngày 11/5/2022):

- Nợ gốc: 534.906.071 đồng.
- Lãi trong hạn: 35.423.493 đồng.
- Lãi quá hạn: 515.738.559 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 34.900.127 đồng.

Tổng cộng: 1.120.968.250 đồng. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty X còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/719/17/HĐCV9202 ngày 16/8/2017 của Ngân hàng kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi Công ty X thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Công ty X vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Ngân hàng đã chấp hành đúng quy định pháp luật; Công ty X không tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng vì có cơ sở; Công ty X không có lời khai nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của Ngân hàng thuộc “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” quy định tại khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Công ty X có trụ sở tại Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với Công ty X để tham gia hòa giải nhưng Công ty X vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với Công ty X để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Công ty X vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty X theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không giải quyết về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch dân sự do các bên xác lập và đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của Ngân hàng, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định:

Công ty X có vay tiền Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/719/17/HĐCV9202 ngày 16/8/2017 với mục đích hoàn tiền chi phí mua nguyên vật liệu thi công công trình Văn phòng làm việc và thiết kế mẫu in tại địa điểm Nguyễn Trung Trực, Phường 5, quận Bình Thạnh của Công ty Trung Trực. Tính đến ngày 11/5/2022, Công ty X còn nợ Ngân hàng như sau:

- Nợ gốc: 534.906.071 đồng.
- Lãi trong hạn: 35.423.493 đồng.
- Lãi quá hạn: 515.738.559 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 34.900.127 đồng.

Tổng cộng: 1.120.968.250 đồng.

Xét số nợ trên đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty X không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng là trái với thỏa thuận giữa hai bên và gây thiệt hại cho Ngân hàng. Do đó buộc Công ty X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ trên ngay khi án có hiệu lực là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 5, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Công ty X còn tiếp tục chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/719/17/HĐCV9202 ngày 16/8/2017 kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi Công ty X thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Về biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Tại Hợp đồng cho vay số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017, hai bên có thỏa thuận Công ty X sẽ dùng tài sản là công trục tải trọng 7,5 tấn, khẩu độ 24 m<sup>2</sup>; công trục tải trọng 7,5 tấn, dầm đôi; công trục bao gồm palant và kết cấu dầm, cầu trục và hệ thống điện và 02 máy phát điện theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 455/17/HĐTC-9202 ngày 14/8/2017 làm tài sản bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng. Tuy nhiên, tại Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện Ngân hàng đã xin rút lại nội dung này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Như đã phân tích, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 có cơ sở nên chấp nhận. Do Công ty X không có lời khai nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Công ty X phải nộp là 45.629.048 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.682.314 đồng theo Biên lai số 0032645 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 184; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 2, Điều 244 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323 và khoản 5, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D:

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X (tạm tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2022) các khoản sau:

- Nợ gốc: 534.906.071 đồng.

- Lãi trong hạn: 35.423.493 đồng.

- Lãi quá hạn: 515.738.559 đồng.

- Lãi chậm trả lãi: 34.900.127 đồng.

Tổng cộng: 1.120.968.250 đồng. Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X thực hiện trả số tiền trên cho Ngân hàng D ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 719/17/HĐCV-9202 ngày 14/8/2017 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/719/17/HĐCV9202 ngày 16/8/2017 kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X thanh toán hết nợ cho Ngân hàng D.*

2. Về án phí Kinh doanh Thương mại:

- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X phải nộp 45.629.048 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.682.314 đồng theo Biên lai số 0032645 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo:

- Ngân hàng D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Tuấn**